TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **533**/2024/HS-ST
Ngày: 25-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thế Cần - Nguyên Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa.

2. Bà Vương Thị Khánh Loan – Cán bộ hưu trí;

- Thư ký phiên tòa: Ông Tôn Hoài Anh Tuyển – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa*:** Ông Hoàng Văn Thành và ông Lê Sỹ Linh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 441/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 435/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 779/2024/HSST-QĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 854/2024/HSST-QĐ ngày 09 tháng 9 năm 2024 đối với:

1. Bị cáo **Nguyễn Lương Hoài T** (Tên gọi khác: Không), Giới tính: Nam; Sinh năm 2004, tại Đồng Nai; Nơi cư trú: Tổ 7B, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ tên cha: Nguyễn Công T1, sinh năm 1969 (còn sống); Họ tên mẹ: Lương Thị H, sinh năm 1972 (còn sống); Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất và chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt và tạm giữ từ ngày 02/11/2023, đến ngày 10/11/2023 hủy bỏ tạm giữ và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

2. Bị cáo **Hồ Ngọc Vinh S** (Tên gọi khác: Không), Giới tính: Nam; Sinh ngày 26/4/2006, tại Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: 21/85, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở: Khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa; Trình độ học vấn: Lớp 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ tên cha: Hồ Ngọc L, sinh năm 1976 (đã chết); Họ tên mẹ: Lại Thị Kim C, sinh năm 1973 (còn sống); Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba và chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt và tạm giữ từ ngày 02/11/2023, đến ngày 10/11/2023 hủy bỏ tạm giữ và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

3. Bị cáo **Trần Tuấn H1** (Tên gọi khác: Không), Giới tính: Nam; Sinh năm 2004, tại Hà Nội; Nơi đăng ký thường trú: Đội 12, thôn T, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: Khu phố 3, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ tên cha: Trần Văn K, sinh năm 1979 (còn sống); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Thúy H2, sinh năm 1982 (còn sống); Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai và chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 02/11/2023 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa cho đến nay. (Có mặt)

4. Bị cáo **Mai Thanh T2** (Tên gọi khác: Không), Giới tính: Nam; Sinh ngày 13/10/2006, tại An Giang; Nơi đăng ký thường trú: Tổ 30, ấp C, xã CC, huyện C, tỉnh An Giang; Chỗ ở: Tổ 9, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khơ me; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 5/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ tên cha: Mai Thanh T3, sinh năm 1985 (còn sống); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Huyền H3, sinh năm 1983 (còn sống); Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ nhất và chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt và tạm giữ từ ngày 02/11/2023, đến ngày 10/11/2023 hủy bỏ tạm giữ và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

5. Bị cáo **Dương Thành L1** (Tên gọi khác: Không), Giới tính: Nam; Sinh ngày 11/3/2007, tại Đồng Nai; Nơi cư trú: Tổ 17, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 10/12; Nghề nghiệp: Không; Họ tên cha: Dương Đông Q, sinh năm 1982 (còn sống); Họ tên mẹ: Phan Thị G, sinh năm 1979 (còn

sống); Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất và chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt và tạm giữ từ ngày 02/11/2023, đến ngày 10/11/2023 hủy bỏ tạm giữ và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

6. Bị cáo **Vũ Mạnh H4** (Tên gọi khác: Không), Giới tính: Nam; Sinh ngày 25/01/2007, tại Đồng Nai; Nơi cư trú: Tổ 3B, khu phố H, phường , thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Không; Họ tên cha: Vũ Mạnh H5, sinh năm 1978 (còn sống); Họ tên mẹ: My Thị T4, sinh năm 1982 (còn sống); Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất và chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

7. Bị cáo **Mai Thái S1** (Tên gọi khác: Không), Giới tính: Nam; Sinh ngày 03/9/2007, tại Đồng Nai; Nơi cư trú: Tổ 6, khu phố H, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ tên cha: Mai Văn T5, sinh năm 1985 (còn sống); Họ tên mẹ: Đào Thị H6, sinh năm 1985 (còn sống); Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai và chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

8. Bị cáo **Nguyễn Chí H7** (Tên gọi khác: Không), Giới tính: Nam; Sinh ngày 30/8/2005, tại Cà Mau; Nơi đăng ký thường trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau; Chỗ ở: Tổ 7, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ tên cha: Nguyễn Văn L2, sinh năm 1977 (còn sống); Họ tên mẹ: Lê Xuân T6, sinh năm 1980 (còn sống); Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai và chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt và tạm giữ từ ngày 02/11/2023, đến ngày 10/11/2023 hủy bỏ tạm giữ và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

9. Bị cáo **Nguyễn Trọng K1** (Tên gọi khác: Không), Giới tính: Nam; Sinh ngày 24/7/2006, tại Cà Mau; Nơi đăng ký thường trú: Ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau; Chỗ ở: Tổ 7, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 01/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ tên cha: Nguyễn Hồng C1, sinh năm

1977 (còn sống); Họ tên mẹ: Quách Thị Q1, sinh năm 1977 (còn sống); Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai và chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt và tạm giữ từ ngày 02/11/2023, đến ngày 10/11/2023 hủy bỏ tạm giữ và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

10. Bị cáo **Đoàn Lâm G1** (Tên gọi khác: Không), Giới tính: Nam; Sinh ngày 20/6/2007, tại Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: Tổ 2, khu phố M, phường P, thành phố B, tỉnh Đ; Chỗ ở: Tổ 9, khu phố H, phường P, thành phố B, tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 02/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ tên cha: Lê Công Đ, không rõ năm sinh; Họ tên mẹ: Đoàn Minh P, sinh năm 1980 (còn sống); Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai và chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt và tạm giữ từ ngày 02/11/2023, đến ngày 10/11/2023 hủy bỏ tạm giữ và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

11. Bị cáo **Cao Văn Sỹ H8** (Tên gọi khác: Không), Giới tính: Nam; Sinh ngày 05/6/2007, tại Đồng Nai; Nơi cư trú: Tổ 8, khu phố M, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Không; Họ tên cha: Cao Văn T7, sinh năm 1966 (còn sống); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị L3, sinh năm 1969 (còn sống); Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai và chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt và tạm giữ từ ngày 02/11/2023, đến ngày 10/11/2023 hủy bỏ tạm giữ và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

12. Bị cáo **Nguyễn Thiên P1** (Tên gọi khác: Không), Giới tính: Nam; Sinh ngày 29/6/2006, tại Đắk Lắk; Nơi đăng ký thường trú: Thôn Đ, xã H, huyện C, tỉnh Đ; Chỗ ở: Tổ 8, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa; Trình độ học vấn: Lớp 10/12; Nghề nghiệp: Không; Họ tên cha: Nguyễn Hải Â, sinh năm 1981 (còn sống); Họ tên mẹ: Dư Thị Nguyệt N, sinh năm 1984 (còn sống); Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất và chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt và tạm giữ từ ngày 02/11/2023, đến ngày 10/11/2023 hủy bỏ tạm giữ và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

13. Bị cáo **Hồ Yến N1** (Tên gọi khác: Không), Giới tính: Nữ; Sinh ngày 22/5/2005, tại Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: 21/85, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở: Khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa; Trình độ

học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ tên cha: Hồ Ngọc L, sinh năm 1976 (đã chết); Họ tên mẹ: Lại Thị Kim C, sinh năm 1973 (còn sống); Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai và chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt và tạm giữ từ ngày 02/11/2023, đến ngày 10/11/2023 hủy bỏ tạm giữ và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

14. Bị cáo **Trần Duy Đ1** (Tên gọi khác: Không), Giới tính: Nam; Sinh ngày 21/02/2007, tại Cà Mau; Nơi đăng ký thường trú: Ấp Ô, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau; Chỗ ở: Tổ 8, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ tên cha: Trần Duy K1, sinh năm 1977 (còn sống); Họ tên mẹ: Nguyễn Cẩm L4, sinh năm 1977 (còn sống); Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai và chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Tại Kết luận giám định pháp y về độ tuổi số: 1193/KLGDĐT-TTPYĐN ngày 22/12/2023 đối với Trần Duy Đ1 tính đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội là 16 năm 04 tháng 07 ngày.

Bị cáo bị bắt và tạm giữ từ ngày 02/11/2023, đến ngày 10/11/2023 hủy bỏ tạm giữ và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

- *Người đại diện hợp pháp cho các bị cáo:*

+ Bị cáo Hồ Ngọc Vinh S: Bà Lại Thị Kim C, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; (có mặt)

+ Bị cáo Mai Thanh T2: Ông Mai Thanh T3, sinh năm 1985 và bà Nguyễn Thị Huyền H3, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ 9, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; (vắng mặt)

+ Bị cáo Dương Thành L1: Ông Dương Đông Q, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Tổ 17, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; (Có mặt)

+ Bị cáo Vũ Mạnh H4: Bà Mỵ Thị T4, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ 3B, khu phố H, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; (Có mặt)

+ Bị cáo Mai Thái S1: Ông Mai Văn T5, sinh năm 1985 và bà Đào Thị H6, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 6, khu phố H, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; (vắng mặt)

+ Bị cáo Nguyễn Trọng K1: Ông Nguyễn Hồng C1, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Tổ 7, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; (Có mặt)

+ Bị cáo Đoàn Lâm G1: Bà Đoàn Minh P, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ 9, khu phố H, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; (Có mặt)

+ Bị cáo Cao Văn Sỹ H8: Ông Cao Văn T7, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Tổ 8, khu phố M, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; (Có mặt)

+ Bị cáo Nguyễn Thiên P1: Bà Dự Thị Nguyệt N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ 8, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; (Có mặt)

+ Bị cáo Trần Duy Đ1: Ông Trần Duy K1, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Tổ 8, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Cháu Danh Hoài T8, sinh ngày 26/11/2007 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 7B, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người giám hộ: Ông Danh Q2, sinh năm 1982 và bà Lê Thị N2, sinh năm 1983 (vắng mặt);

+ Cháu Đặng Hoàng H9, sinh ngày 28/11/2007 (vắng mặt);

Người giám hộ: Ông Đặng Hoàng A, sinh năm 1981 (vắng mặt).

+ Cháu Mai Thanh P2, sinh ngày 02/02/2008; (vắng mặt)

Người giám hộ: Ông Mai Thanh Đ2, sinh năm 1982 và bà Nguyễn Thị S2, sinh năm 1981. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Hẻm 6, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

+ Cháu Hoàng Văn H10, sinh ngày 26/8/2008; (vắng mặt)

Người giám hộ: Ông Hoàng Văn H11, sinh năm 1977 và bà Võ Thị H12, sinh năm 1980. (vắng mặt)

+ Cháu Tô Huy H13, sinh ngày 16/6/2008; (vắng mặt)

Người giám hộ: Ông Tô Văn B, sinh năm 1977 và bà Lê Thị T9, sinh năm 1982. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 13A, khu phố H, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

+ Cháu Đinh Hoàng P3, sinh ngày 31/12/2007; (vắng mặt)

Người giám hộ: Ông Nguyễn Tiến L5, sinh năm 1970 và bà Đinh Thị Nhung L6, sinh năm 1986. (vắng mặt)

+ Cháu Nguyễn Hữu H14, sinh ngày 07/6/2008; (vắng mặt)

Người giám hộ: Ông Nguyễn Hữu H15, sinh năm 1974 và bà Trần Thị H16, sinh năm 1977. (vắng mặt)

+ Cháu Nguyễn Văn S3, sinh ngày 06/5/2008; (vắng mặt)

Người giám hộ: Ông Nguyễn Văn T10, sinh năm 1980 và bà Nguyễn Thị H17, sinh năm 1985. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 14, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

+ Cháu Nguyễn Hoàng Đ3, sinh ngày 31/8/2008; (vắng mặt)

Người giám hộ: Ông Nguyễn Trọng C2, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị H18, sinh năm 1979. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 14, tổ 15, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

+ Cháu Nguyễn Đình Khánh D, sinh ngày 17/10/2008; (vắng mặt)

Người giám hộ: Ông Nguyễn Đình B1, sinh năm 1974 và bà Phùng Thị V1, sinh năm 1981. (vắng mặt)

Địa chỉ: 42, tổ 8, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Người bào chữa cho bị cáo L1, T2, K1: Ông Nguyễn Doãn N3 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Sỹ H8, Mạnh H4: Bà Bùi Thị H19 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo G1: Bà Phan Thị T11 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Vinh S, P1, Duy Đ1: Bà Hoàng Minh T12 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Thái S1: Bà Nguyễn Ngọc H20 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Khoảng 15 giờ ngày 24/10/2023, Nguyễn Lương Hoài T, Mai Thanh T2 và Danh Hoài T8 (sinh ngày 26/11/2007, ngụ tại tổ 7B, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) đang sửa xe tại tiệm sửa xe nhà T địa chỉ tổ 9, khu phố H, phường P, thành phố B thì có Dương Minh P4 và một thanh niên (không rõ lai lịch) đến nhờ T và T2 thay bô nổ vào xe cho P4, nhưng Hoài T không gắn dẫn đến mâu thuẫn cãi nhau.

Ngày 25/10/2023, khi Hoài T, T2, Đặng Hoàng H9 (sinh ngày 28/11/2007, ngụ tại khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) đang ở tiệm sửa xe nêu trên thì hai thanh niên trên tiếp tục chạy ngang tiệm sửa xe và nẹt pô khiêu khích.

Khoảng 13 giờ ngày 26/10/2023, Phạm Nguyễn Trung H21 (sinh ngày 28/3/2009 là bạn của P4) đang đi mua cá viên chiên gần nhà thờ T thì gặp P4. Lúc này P4 kể lại mâu thuẫn với Hoài T cho H21 nghe, H21 gọi cho Hoài T và T2 lên gặp mặt để nói chuyện giải quyết mâu thuẫn. Khi hai bên gặp nhau và nói chuyện, nhưng không hòa giải được. Cùng lúc này, Hồ Ngọc Vinh S (là bạn của P4) đến và biết được sự việc mâu thuẫn với Hoài T nên Vinh S dùng tay đấm vào đầu Hoài T. Sau đó, hai bên thách thức đánh nhau rồi kết bạn Facebook để hẹn đánh nhau.

Khoảng 18 giờ ngày 28/10/2023, Hoài T nhắn tin hẹn Vinh S đến trước khu du lịch V tại tổ 8, khu phố T, phường P, thành phố B để đánh nhau giải quyết mâu thuẫn, hai bên đồng ý và rủ rê đồng bọn, chuẩn bị hung khí như sau:

Bên nhóm của Hồ Ngọc Vinh S: Sơn rủ Hồ Yến N1 (chị S), Nguyễn Thiên P1 và Trần Duy Đ1 đi đánh nhau với nhóm của Hoài T tại địa điểm nêu trên thì tất cả đồng ý tham gia. S chuẩn bị 01 cây xiên gạo dài 1,7m.

Bên nhóm của Hoài T: Hoài T rủ Mai Thanh T2, Nguyễn Chí H7, Nguyễn Trọng K1, Vũ Mạnh H4, Danh Hoài T8, Đặng Hoàng H9, Mai Thanh P2 (sinh

ngày 02/02/2008, ngụ tại hẻm 6, khu phố T, phường P, thành phố B), tất cả đồng ý tham gia cùng Hoài T đi đánh nhau với nhóm của Vinh S.

Sau khi được Hoài T rủ đi đánh nhau, Vũ Mạnh H4 rủ thêm Dương Thành L1, Mai Thái S1, Hoàng Văn H10 (sinh 26/8/2008, ngụ tại tổ 13, khu phố T, phường P, thành phố B), Bùi Tiến Đ4 (sinh ngày 14/9/2007, ngụ tại tổ 9, khu phố H, phường P, thành phố B), Đinh Hoàng P3 (sinh ngày 31/12/2007, ngụ tại khu phố T, phường P, thành phố B).

Khi được H4 rủ đi đánh nhau, các đối tượng tiếp tục rủ thêm đồng bọn, cụ thể như sau:

Mai Thái S1 rủ Trần Tuấn H1 và nói H1 chuẩn bị 01 bao hung khí, H1 rủ thêm Đoàn Lâm G1 để tham gia cùng nhóm của Hoài T đi đánh nhau.

Dương Thành L1 rủ thêm Vũ Hoàng Triều V2 (sinh ngày 13/5/2006, ngụ tại xã C, huyện C, tỉnh H), Nguyễn Hoàng Đ3 (sinh ngày 31/8/2008, ngụ tại khu phố T, phường P, thành phố B), Nguyễn Đình Khánh D (sinh ngày 17/10/2008, ngụ tại tổ 8, khu phố T, phường P, thành phố B).

Hoàng Văn H10 rủ thêm Tô Huy H13 (sinh ngày 16/6/2008, ngụ tại tổ 13, khu phố H, phường P, thành phố B).

Đinh Hoàng P3 rủ thêm Cao Văn Sỹ H8, Nguyễn Hữu H14 (sinh 07/6/2008, ngụ tại tổ 14, khu phố T, phường P, thành phố B).

Nguyễn Hữu H14 rủ thêm Nguyễn Văn S3 (sinh ngày 06/5/2008, ngụ tại tổ 14, khu phố T, phước P, thành phố B).

Nguyễn Anh V3 (sinh ngày 06/01/2005, ngụ tại tổ 9, khu phố H, phường P, thành phố B) biết Bùi Tiến Đ4 đi đánh nhau đã tự nguyện đi theo cùng Đ4.

Khoảng 19 giờ ngày 28/10/2023, sau khi lập nhóm, Hoài T hẹn cả nhóm di chuyển bằng xe mô tô tập trung đến bãi đất trống đối diện Trường trung học cơ sở P 1, thuộc khu phố M, phường P, thành phố B tập hợp và phân phát hung khí. Tại đây, Hoài T và Thanh T2 chuẩn bị 04 vỏ chai bia bằng thuỷ tinh bên trong chứa xăng (bom xăng) và 01 bao hung khí, H1 chuẩn bị 01 bao hung khí gồm các dao tự chế, dao phóng lợn, cây ba chĩa để phân phát cho cả nhóm đi đánh nhau. Khi cả nhóm tập trung tại đây, T sợ bị phát hiện, nên nói với cả nhóm di chuyển đến gầm cầu S, trên Q 51, thuộc khu phố M, phường P, thành phố B để tập trung và phân phát hung khí.

Khi cả nhóm di chuyển đến gầm cầu S thì xe mô tô biển số 60F1-304.72 của Mai Thái S1 đi chung Vũ Mạnh H4 bị hư không nổ máy nên Nguyễn Anh V3 và Bùi Tiến Đ4 đi chung xe đã dùng chân đẩy xe của Thái S1 cùng Mạnh

H4 đi sau. Khi đến cầu sắt thuộc khu phố M, phường P, thành phố B thì không đuổi theo kịp nhóm của Hoài T và lo sợ bị lực lượng công an bắt, nên Thái S1, Mạnh H4, Anh V3 và Tiến Đ4 bàn bạc thống nhất không đi đánh nhau nữa và đi về nhà. Do chờ lâu không thấy 04 người Thái S1, Mạnh H4, Anh V3, Tiến Đ4 đến nên Nguyễn Đình Khánh D điều khiển xe mô tô biển số 60F3-931.44 chở Vũ Hoàng Triều V2 quay lại Trường trung học cơ sở P 1 tìm nhưng vẫn không thấy. Lúc này, Triều V2 và Khánh D bàn nhau không tham gia đi đánh nhau nữa và bỏ về.

Những người còn lại trong nhóm của Hoài T kéo nhau đến tập trung tại gầm cầu S và mang theo toàn bộ hung khí đã chuẩn bị: Hoài T và Thanh T2 mang đến 03 vỏ chai bia bằng thuỷ tinh bên trong chứa xăng (bom xăng); K1 chở Thanh T2 mang đến 01 bao hung khí; G1 chở H1 mang đến bao hung khí. Khi đến nơi, Thanh T2 và H1 để bao hung khí gồm: dao tự chế, dao phóng lợn, cây ba chĩa, kiếm Nhật… xuống đất để cho các đối tượng tự chọn hung khí mang theo đánh nhau. K1 điều khiển xe mô tô hiệu Future (không rõ biển số) chở Hoài T ngồi giữa cầm một dao phóng lợn bằng kim loại dài 02m, Hoài T8 ngồi sau cầm dao phóng lợn dài 1,5m; G1 điều khiển xe mô tô 72G1-769.52 chở H1 ngồi sau cầm theo 01 dao tự chế; Hoàng Đ3 điều khiển xe mô tô biển số 60B1-958.03 chở L1 cầm 02 dao phóng lợn; Thanh P2 điều khiển xe mô tô biển số 52Z6-9240 chở Thanh T2 ngồi sau cầm 01 dao tự chế; Sỹ H8 điều khiển xe mô tô biển số 81B2-420.81 chở Hoàng P3 ngồi sau cầm dao tự chế; Chí H7 điều khiển xe mô tô biển số 60Z3-4542 chở Hoàng H9 ngồi sau cầm 01 cây ba chĩa; Văn S3 điều khiển xe mô tô biển số 61F6-5475 chở Hữu H14 ngồi sau cầm 01 dao tự chế; Văn H10 điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở Huy H13 ngồi sau cầm 01 kiếm Nhật; các đối tượng còn lại chia nhau thành từng cặp đi trên khoảng 05 xe mô tô, cầm hung khí. Xe của T dẫn đầu, cả nhóm điều khiển xe mô tô đi thành đoàn đông với tốc độ cao, cầm theo hung khí, nẹt bô gây mất an ninh trật tự trên đoạn đường khoảng 04km đường từ cầu "S" đến khu du lịch "V".

Bên nhóm của Hồ Ngọc Vinh S được Hồ Yến N1 (chị ruột) điều khiển xe môtô biển số 48H5-168.40 chở đến điểm hẹn, Vinh S mang 01 cây "xiên gạo" dài 1,7m, Trần Duy Đ1 điều khiển xe môtô biển số 95E1-972.87 chở Nguyễn Thiên P1 cầm 01 dao tự chế đi trên đường V hướng T đến khu du lịch "V" để gặp đánh nhau với nhóm của T.

Khi đến cổng khu du lịch V thì hai nhóm gặp nhau. Lúc này, K1 điều khiển xe chở Hoài T và Hoài T8 đi trước nên Vinh S phát hiện và Vinh S nhảy xuống xe cầm cây xiên gạo đuổi đánh K1, T và T8 la lên "Bọn nó kìa" thì

Thiên P1 cầm dao chạy theo sau đuổi chém K1, T và T8. Bị nhóm của Vinh S đuổi chém nên K1, T và T8 cùng những đối tượng còn lại trong nhóm quay đầu xe tăng ga bỏ chạy về hướng cổng 11, trên Q 51. Lúc này, N1 chở Vinh S, Đ1 chở Thiên P1 cầm hung khí đuổi theo nhóm T. Trên đường rượt đuổi nhau cả hai nhóm chạy xe tốc độ cao, cầm theo hung khí hò hét làm cho người dân đi đường và người dân ở ven đường hoảng sợ. Khi dí đuổi nhau bị lực lượng Công an phường P phát hiện nên cả hai bên giải tán và bỏ về.

Công an phường P lập hồ sơ, báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiến hành thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Lương Hoài T, Hồ Ngọc Vinh S, Trần Tuấn H1, Mai Thanh T2, Dương Thành L1, Nguyễn Chí H7, Nguyễn Trọng K1, Đoàn Lâm G1, Cao Văn Sỹ H8, Nguyễn Thiên P1, Hồ Yến N1, Trần Duy Đ1, Vũ Mạnh H4 và Mai Thái S1 đã khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

* Vật chứng thu giữ gồm:

- Tạm giữ của Trần Tuấn H1: 01 dao tự chế bằng kim loại dài 60cm, bao gỗ màu vàng; 01 dao tự chế bằng kim loại dài 1,5m, cán dài 01m, lưỡi dài 50cm; 01 dao tự chế bằng kim loại dài 1,2m, cán dài 80cm, lưỡi dài 40cm; 01 cây ba chĩa bằng kim loại dài 1,5m, cán dài 01m, đầu hàn 03 thanh sắt nhọn dài 50cm.

- Tạm giữ của Nguyễn Thiên P1: 01 dao tự chế bằng kim loại dài 01m, cán dài 40cm, lưỡi dài 60cm.

- Tạm giữ của Hồ Ngọc Vinh S: 01 cây xiên gạo bằng kim loại dài 01m.

- Tạm giữ của Vũ Hoàng Triều V2: 01 dao phóng lợn dài 02m, 01 chai bom xăng tự chế.

- Tạm giữ của Danh Hoài T8; 01 dao phóng lợn bằng kim loại dài 02m, cán 1,8m, lưỡi dao 20cm.

- Tạm giữ của Đặng Hoàng H9: 01 dao phóng lợn bằng kim loại dài 1,8m, 01 cây ba chĩa bằng kim loại 2,5m.

- Tạm giữ của Tô Huy H13: 01 kiếm Nhật dài 80cm.

* Tài sản liên quan đến việc phạm tội hiện đang tạm giữ:

- 01 điện thoại di động hiệu Remi 7, Imei 862949053713058 của Nguyễn Lương Hoài T.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S, Imei 355735077635482 của Trần Tuấn H1.

- 01 điện thoại di động Iphone Xs Max, Imei 358747090092119 của Hồ Ngọc Vinh S.

* Số tài sản chủ sở hữu cho các đối tượng mượn nhưng không biết sử dụng vào việc phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho các chủ sở hữu gồm:

- Xe mô tô biển số 81B2-42081, Số khung: WE110C0001597; số máy: LC150FMG01612097, do Cao Văn Sỹ H8 sử dụng là tài sản của anh Cao Văn Sỹ H22 (sinh năm 1999, ngụ tại tổ 8, khu phố M, phường P, thành phố B là anh trai của H8).

- Xe mô tô biển số 60B1-958.03, SK: 215CY -248863; SM: C52E-4364625 và điện thoại di động Iphone 6 Plus, số Imei: 3553807220393, do Nguyễn Hoàng Đ3 sử dụng là tài sản của bà Nguyễn Thị H23 (sinh năm 1979, ngụ tại tổ 15, khu phố T, phường P, thành phố B).

- Xe mô tô biển số 61F6-5475, SM: ZS150FMG99018825; SK: LZSCGL00X2036102 do Nguyễn Hữu H14 mượn để Nguyễn Văn S3 sử dụng đi gây rối là tài sản của ông Nguyễn Hữu H15 (sinh năm 1974, ngụ tại tổ 14, khu phố T, phường P, thành phố B).

- Xe mô tô biển số 60Z3-4542, SK: RLCS16S209Y106405;SM: 16S2106357 do Nguyễn Chí H7 sử dụng là tài sản của ông Nguyễn Văn L2 (sinh năm 1978, ngụ tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau) và điện thoại di động hiệu VIVO, màu xanh, Imei: 864415059853718 là tài sản của Nguyễn Chí H7 không sử dụng vào việc phạm tội.

- Xe mô tô biển số 52Z6-9240, SM: VVT1P52FMH000590; SK: VVTBCH024VT000590 do Mai Thanh P2 sử dụng là tài sản của ông Mai Thanh Đ2 (sinh năm 1982, ngụ tại ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang).

- Xe mô tô biển số 72G1-76952, SK: RLHKC2608GY373852;SM: KC26B1212245 và điện thoại di động Samsung Galaxy A13, số Imei: 354690579627985 do Đoàn Lâm G1 sử dụng là tài sản của bà Đoàn Minh P (sinh năm 1980, ngụ tại tổ 2, khu phố M, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

- Xe mô tô biển số 95E1-97287, SK: MHIJM4114MK801137; SM: JM41E1800531 do Trần Duy Đ1 sử dụng, là tài sản của anh Trần Văn K2 (sinh năm 2002, ngụ tại ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang).

- Xe mô tô biển số 48H1-168.40, SK: RLCUG1010JY005694;SM: G3D4E770821 do Hồ Thị Yến N1 sử dụng vào việc phạm tội là tài sản của bà

Lại Thị Kim C (sinh năm 1973, ngụ tại 21/85, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

- Xe mô tô biển số 60F3-931.44, SK: RLCUE3740MY104139; SM: E32VE383799 do Dương Thành L1 mượn để Nguyễn Đình Khánh D sử dụng là tài sản của anh Dương Đông Q (sinh năm 1982, ngụ tại tổ 17, khu phố T, phường P, thành phố B).

- Xe mô tô biển số 60F1-304.72, SK: 316DY-406056; SM: F33E-0485608 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 ProMax do Mai Thái S1 sử dụng, là tài sản của chị Đào Thị H6 (sinh năm 1986, ngụ tại tổ 6, khu phố H, phường P, thành phố B).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi 7, màu xanh, số Imei 868909052561381/78 do Nguyễn Trọng K1 sử dụng là tài sản của ông Nguyễn Hồng C1 (sinh năm 1977, ngụ tại ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO 1819, màu xanh, số Imei 864484047629432 do Vũ Mạnh H4 sử dụng là tài sản của ông Vũ Mạnh H5 (sinh năm 1978, ngụ tại tổ 3B, khu phố H, phường P, thành phố B).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, màu bạc, số Imei 375279095215512 do Nguyễn Hữu H14 sử dụng vào việc phạm tội, là tài sản của ông Nguyễn Hữu H15 (sinh năm 1974, ngụ tại tổ 14, khu phố T, phường P, thành phố B).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XS, màu vàng, số Imei 357203094358693 là tài sản của ông Tô Văn B (sinh năm 1977, ngụ tại tổ 13A, khu phố H, phương P, thành phố B, là bố H13).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh ngọc của Đặng Hoàng H9. H9 không sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại điện thoại cho H9.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A12 do Nguyễn Văn S3 sử dụng vào việc phạm tội, là tài sản của bà Nguyễn Thị H17 (sinh năm 1985, ngụ tại tổ 18, khu phố T, phường P, thành phố B).

- 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 Promax, số Imei: 35388810138984 của Hồ Yến N1 không sử dụng vào việc phạm tội.

- 01 (một) máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy TAB S7 của Nguyễn Đình Khánh D, là tài sản của ông Nguyễn Đình B1 (sinh năm 1974, ngụ tại số 42, tổ 8, khu phố T, phường P, thành phố B).

2. Về các vấn đề khác:

Đối với các đối tượng Bùi Tiến Đ4 (sinh ngày 14/9/2007), Nguyễn Anh V3 (sinh ngày 06/01/2005), Vũ Hoàng Triều V2 (sinh ngày 13/5/2006) được rủ rê đi đánh nhau. Tuy nhiên, các đối tượng trên không chuẩn bị hung khí, không rủ rê thêm ai khác và đã tự ý bỏ về không tham gia cùng các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không xử lý.

Đối với các đối tượng Danh Hoài T8 (sinh ngày 26/11/2007), Đặng Hoàng H9 (sinh ngày 28/11/2007), Mai Thành P2 (sinh ngày 02/02/2008), Hoàng Văn H10 (sinh ngày 26/8/2008), Đinh Hoàng P3 (sinh ngày 31/12/2007), Nguyễn Hoàng Đ3 (sinh ngày 31/8/2008), Nguyễn Đình Khánh D (sinh ngày 17/10/2008), Tô Huy H13 (sinh ngày 16/6/2008), Nguyễn Hữu H14 (sinh ngày 07/6/2008), Nguyễn Văn S3 (sinh ngày 06/5/2008), khi thực hiện hành vi gây rối trật tự công cộng chưa đủ 16 tuổi. Do đó, hành vi của các đối tượng chưa đủ yếu tố cấu thành tội "Gây rối trật tự công cộng" được quy định tại Điều 318 Bộ luật hình sự. Công an thành phố B đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

3. Truy tố:

Tại Cáo trạng số: 442/CT-VKSBH ngày 26/7/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai đã truy tố các bị cáo Nguyễn Lương Hoài T, Hồ Ngọc Vinh S, Trần Tuấn H1, Mai Thanh T2, Dương Thành L1, Nguyễn Chí H7, Nguyễn Trọng K1, Đoàn Lâm G1, Cao Văn Sỹ H8, Nguyễn Thiên P1, Hồ Yến N1, Trần Duy Đ1, Vũ Mạnh H4 và Mai Thái S1 về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị;

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm o khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), đề nghị: Xử phạt bị cáo Nguyễn Lương Hoài T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Trần Tuấn H1 từ 01 năm 08 tháng đến 02 năm tù giam.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí H7 và bị cáo Hồ Yến N1 từ 01 năm 04 tháng đến 01 năm 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017):

+ Xử phạt bị cáo Hồ Ngọc Vinh S từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách;

+ Xử phạt bị cáo Mai Thanh T2 và bị cáo Dương Thành L1 từ từ 01 năm 04 tháng đến 01 năm 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng K1, Đoàn Lâm G1, Cao Văn Sỹ H8, Nguyễn Thiên P1, Trần Duy Dal, Vũ Mạnh H4, Mai Thái S1 từ 01 năm đến 01 năm 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách.

Buộc các bị cáo chịu án phí theo quy định.

Xử lý vật chứng theo quy định.

Các bị cáo có mặt không có ý kiến tranh luận đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

4. Người bào chữa cho các bị cáo trình bày:

- Người bào chữa cho bị cáo L1, T2, K1: Ông Nguyễn Doãn N3 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai trình bày:

Thống nhất về nội dung truy tố, định tội và khung hình phạt của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận hành vi phạm tội của mình, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự, khi thực hiện hành vi phạm tội ở độ tuổi trẻ em vị thành niên. Bị cáo Dương Thành L1 có ông nội là thương binh; bị cáo Nguyễn Trọng K1 có ông nội là liệt sỹ thuộc gia đình có công với cách mạng; bị cáo Mai Thanh T2 là người dân tộc thiểu số (Dân tộc Khơme) và các bị cáo T2, L1, K1 đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Do đó, kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Đồng thời trong thời gian tại ngoại, các bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách, pháp luật tại địa phương và có nơi cư trú rõ ràng, công việc ổn định nên kính mong Hội đồng xét xử, xem xét áp dụng các Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ

sung năm 2017) về án treo để xử phạt các bị cáo mức án thấp nhất và cho các bị cáo được hưởng án treo. Thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối các bị cáo là trẻ em vị thành niên phạm tội, nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ các bị cáo nhận ra hành vi sai lầm của mình để tự sửa chữa và trở thành người công dân tốt cho xã hội.

- Người bào chữa cho bị cáo Sỹ H8, Mạnh H4: Bà Bùi Thị H19 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai trình bày:

Thống nhất về nội dung truy tố, định tội và khung hình phạt của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận hành vi phạm tội của mình, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự, khi thực hiện hành vi phạm tội ở độ tuổi trẻ em vị thành niên. Do đó, kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Đồng thời trong thời gian tại ngoại, các bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách, pháp luật tại địa phương và có nơi cư trú rõ ràng, công việc ổn định nên kính mong Hội đồng xét xử, xem xét áp dụng các Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về án treo để xử phạt các bị cáo mức án thấp nhất và cho các bị cáo được hưởng án treo. Thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối các bị cáo là trẻ em vị thành niên phạm tội, nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ các bị cáo nhận ra hành vi sai lầm của mình để tự sửa chữa và trở thành người công dân tốt cho xã hội.

- Người bào chữa cho bị cáo Thái S1: Bà Nguyễn Ngọc H20 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai trình bày:

Thống nhất về nội dung truy tố, định tội và khung hình phạt của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận hành vi phạm tội của mình, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự, khi thực hiện hành vi phạm tội ở độ tuổi trẻ em vị thành niên. Do đó, kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Đồng thời trong thời gian tại ngoại, bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách, pháp luật tại địa phương và có nơi cư trú rõ ràng, công việc ổn định nên kính mong Hội đồng xét xử, xem xét áp dụng các Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội

đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về án treo để xử phạt bị cáo mức án thấp nhất và cho bị cáo được hưởng án treo. Thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối bị cáo là trẻ em vị thành niên phạm tội, nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ bị cáo nhận ra hành vi sai lầm của mình để tự sửa chữa và trở thành người công dân tốt cho xã hội.

- Người bào chữa cho bị cáo G1: Bà Phan Thị T11 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai trình bày:

Thống nhất về nội dung truy tố, định tội và khung hình phạt của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận hành vi phạm tội của mình, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự, có trình độ học vấn thấp 2/12, khi thực hiện hành vi phạm tội ở độ tuổi trẻ em vị thành niên. Do đó, kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Đồng thời trong thời gian tại ngoại, bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách, pháp luật tại địa phương và có nơi cư trú rõ ràng, công việc ổn định nên kính mong Hội đồng xét xử, xem xét áp dụng các Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về án treo để xử phạt bị cáo mức án thấp nhất và cho bị cáo được hưởng án treo. Thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối bị cáo là trẻ em vị thành niên phạm tội, nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ bị cáo nhận ra hành vi sai lầm của mình để tự sửa chữa và trở thành người công dân tốt cho xã hội.

- Người bào chữa cho bị cáo Vinh S, P1, Duy Đ1: Bà Hoàng Minh T12 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai trình bày:

Thống nhất về nội dung truy tố, định tội và khung hình phạt của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo: Các bị cáo đều là người chưa thành niên phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, sinh trưởng trong những gia đình có nền tảng tốt; cha mẹ các bị cáo đều là những người lao động lương thiện. Tuy nhiên vì cuộc sống mưu sinh mà lơ là, thiếu đi sự theo sát, quan tâm con em mình; Hành vi phạm tội của các bị cáo xuất phát từ sự bồng bột của tuổi mới lớn, bị lôi kéo, rủ rê, muốn chứng tỏ bản thân và hạn chế trong việc nhận thức được tính chất nguy hiểm của hành vi mà mình gây ra. Bản thân các bị cáo trước

khi làm việc với cơ quan tiến hành tố tụng cũng không nhận thức được mình đã vi phạm pháp luật vì nghĩ rằng việc đánh nhau giải quyết mâu thuẫn chưa xảy ra nên chưa gây ra hậu quả gì nghiêm trọng. Xét riêng hoàn cảnh của từng bị cáo:

+ Bị cáo Hồ Ngọc Vinh S và Hồ Thị Yến N1 là hai chị em ruột; cha của các bị cáo mới vừa mất cách đây 2 năm; người mẹ bị bệnh cột sống kinh niên, không có khả năng lao động. Chính vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo S đã phải bỏ bê việc học từ năm lớp 6, hai chị em trở thành những lao động chính trong gia đình. Trong vụ án này, cả hai chị em đều là bị cáo phải chịu sự trừng phạt của pháp luật, điều này càng làm cho người mẹ của cả hai bị cáo thêm lo lắng, đau lòng, nhất là khi bà đang sắp phải bước vào ca phẫu thuật nhưng đã phải hoãn lại để có thể tham gia phiên toà hôm nay.

+ Hai bên nội ngoại của bị cáo Trần Duy Đ1 đều là những gia đình có truyền thống cách mạng lâu đời tại huyện C, tỉnh C. Bị cáo có ông bà ngoại là chiến sĩ phục vụ trong Quân đội, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Ba; bên nội của bị cáo Đ1 có ông là liệt sĩ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Những nội dung này đã được chính quyền địa phương xác nhận và được gia đình bị cáo Trần Duy Đ1 nộp cho Hội đồng xét xử. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn ở vùng quê nghèo, hiện gia đình của bị cáo Đ1 đang phải thuê trọ ở phường P để mưu sinh, bị cáo Đ1 cũng đã nghỉ học và đã tích cực đi làm trong xưởng gỗ để phụ giúp gia đình.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Thiên P1 cũng có hoàn cảnh gia đình khó khăn khi cha mẹ không có công việc ổn định, phải đi làm thuê kiếm sống qua ngày. Bị cáo P1 đang học đến lớp 11 cũng phải nghỉ học.

Do đó, kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Đồng thời trong thời gian tại ngoại, các bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách, pháp luật tại địa phương và có nơi cư trú rõ ràng, công việc ổn định nên kính mong Hội đồng xét xử, xem xét áp dụng các Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về án treo để xử phạt các bị cáo mức án thấp nhất và cho các bị cáo được hưởng án treo. Thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối các bị cáo là trẻ em vị thành niên phạm tội, nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ các bị cáo nhận ra hành vi sai lầm của mình để tự sửa chữa và trở thành người công dân tốt cho xã hội.

***5. Lời nói sau cùng*:** Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã mô tả, nhận thức được hành vi sai trái của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tố tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, lời khai của họ đã đầy đủ và có trong hồ sơ vụ án. Việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Tòa án xét xử vắng mặt họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi bị truy tố, tội danh và các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- Những chứng cứ xác định có tội: Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản bắt người phạm tội, biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhân chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 28/10/2023, Nguyễn Lương Hoài T và Hồ Ngọc Vinh S nảy sinh mâu thuẫn nên cả hai thách thức đánh nhau và đã thành lập nhóm, chuẩn bị hung khí, hẹn đánh nhau tại Cổng khu du lịch V thuộc tổ 8, khu phố T, phường P, thành phố B để giải quyết mâu thuẫn.

Bên nhóm của Nguyễn Lương Hoài T rủ rê và thành lập nhóm gồm: Hoài T, Mai Thanh T2, Nguyễn Chí H7, Cao Văn Sỹ H8, Nguyễn Trọng K1, Đoàn Lâm G1, Vũ Mạnh H4, cùng các đối tượng Nguyễn Anh V3 (sinh ngày 06/01/2005), Vũ Hoàng Triều V2 (sinh ngày 13/5/2006), Danh Hoài T8 (sinh

ngày 26/11/2007), Đặng Hoàng H9 (sinh ngày 28/11/2007), Mai Thành P2 (sinh ngày 02/02/2008), Nguyễn Hoàng Đ3 (sinh ngày 31/8/2008), Nguyễn Đình Khánh D (sinh ngày 17/10/2008), Tô Huy H13 (sinh ngày 16/6/2008), Nguyễn Hữu H14 (sinh ngày 07/6/2008), Nguyễn Văn S3 (sinh ngày 06/5/2008). Khi được T rủ, Mạnh H4 tiếp tục rủ thêm Dương Thành L1, Mai Thái S1, Hoàng Văn H10 (sinh ngày 26/8/2008), Đinh Hoàng P3 (sinh ngày 31/12/2007) và Bùi Tiến Đ4 (sinh ngày 14/9/2007); Thái S1 tiếp tục rủ thêm Trần Tuấn H1 và nói H1 mang theo hung khí đi đánh nhau.

Nhóm của T do Thanh dẫn đầu, cả nhóm tập trung tại bãi đất trống đối diện Trường trung học cơ sở P 1, thuộc khu phố M, phường P, thành phố B, sau đó di chuyển đến gầm cầu S. Trên đường đi do xe mô tô của Thái S1 chở Mạnh H4 bị hư nên Anh V3 và Tiến Đ4 đã dùng chân đẩy xe của Thái S1 và Mạnh H4 nên cả 04 người đi sau và sau đó, do sợ lực lượng Công an phát hiện nên cả bốn người bỏ về. Triều V2 và Khánh D quay lại tìm nhóm Mạnh H4 và Thái S1 nhưng không thấy nên V2 và D bàn nhau không tham gia đi đánh nhau nữa và cũng bỏ về.

Nhóm của Hoài T tiếp tục di chuyển đến địa điểm đã hẹn đánh nhau với nhóm của Vinh S. Trên đường đi, nhóm của Hoài T điều khiển xe mô tô đi thành đoàn đông với tốc độ cao, cầm theo hung khí, nẹt bô gây mất an ninh trật tự trên đoạn đường khoảng 04km đường từ cầu "S" đến khu du lịch "V".

Khi đến khu du lịch "V", nhóm T gặp nhóm của Hồ Ngọc Vinh S gồm: Vinh S, Hồ Yến N1 (chị S), Nguyễn Thiên P1 và Trần Duy Đ1. Lúc này, S và P1 cầm dao tự chế dí đuổi chém thì nhóm của Hoài T bỏ chạy, nhóm của S tiếp tục điều khiển xe mô tô tăng ga dí đuổi. Cả hai nhóm điều khiển xe mô tô tốc độ cao cầm theo hung khí, nẹt bô, hò hét gây náo loạn, gây mất trật tự công cộng trong khu dân cư. Khi các đối tượng đang dí đuổi đánh nhau thì lực lượng Công an phường P phát hiện nên cả hai bên đã giải tán và bỏ về.

- Về tội danh: Từ căn cứ trên, xác định các bị cáo Nguyễn Lương Hoài T, Hồ Ngọc Vinh S, Trần Tuấn H1, Mai Thanh T2, Dương Thành L1, Nguyễn Chí H7, Nguyễn Trọng K1, Đoàn Lâm G1, Cao Văn Sỹ H8, Nguyễn Thiên P1, Hồ Yến N1, Trần Duy Đ1, Vũ Mạnh H4 và Mai Thái S1 phạm tội "Gây rối trật tự công cộng" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, bản cáo trạng số 442/CT-VKSBH ngày 26/7/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố các bị cáo phạm tội "Gây rối trật tự công cộng" theo điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm trực tiếp đến an toàn công cộng về giao thông đường bộ; gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo vì mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống đã không kiềm chế được bản thân, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp.

- Về tính chất đồng phạm, vai trò của từng bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, với tính chất đồng phạm giản đơn, cụ thể: Nguyễn Lương Hoài T là người khởi xướng, rủ rê, chuẩn bị hung khí và thực hiện hành vi "Gây rối trật tự công cộng"; Hồ Ngọc Vinh S, Trần Tuấn H1, Mai Thanh T2 là người chuẩn bị hung khí và thực hiện hành vi "Gây rối trật tự công cộng"; Vũ Mạnh H4, Mai Thái S1 và Dương Thành L1 là người rủ rê các bị cáo và các đối tượng thực hiện hành vi "Gây rối trật tự công cộng", trong đó Thái S1 nhờ Tuấn H1 chuẩn bị hung khí; Nguyễn Chí H7, Cao Văn Sỹ H8, Nguyễn Thiên P1, Hồ Yến N1, Nguyễn Trọng K1, Đoàn Lâm G1 và Trần Duy Đ1, là người thực hiện hành vi "Gây rối trật tự công cộng".

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Lương Hoài T rủ rê người dưới 18 tuổi phạm tội nên phạm vào tình tiết tăng nặng quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt (chưa có tiền án tiền sự). Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Riêng đối với các bị cáo sau có thêm các tình tiết giảm nhẹ, cụ thể như sau:

+ Bị cáo Nguyễn Lương Hoài T có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân bị cáo bị tai nạn giao thông, phải cắt bỏ một lá lách nên sức khỏe yếu (có giấy phẫu thuật, khám bệnh);

+ Bị cáo Trần Tuấn H1 có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố tên Trần Văn K bị tai nạn lao động (bỏng độ 3);

+ Bị cáo Trần Duy Đ1 có chú ruột tên Trần Văn H24 là liệt sỹ, có xác nhận của địa phương;

+ Bị cáo Nguyễn Thiên P1 có ông ngoại là Dư Trường S4 là cán bộ công an xã, có nhiều giấy khen trong quá trình công tác;

+ Bị cáo Dương Thành L1 có ông nội tên Dương Bằng L7 là thương binh, có xác nhận của địa phương;

+ Bị cáo Hồ Ngọc Vinh S và Hồ Yến N1 là chị em ruột trong gia đình có bố mất vì tai nạn giao thông, mẹ hiện đang bị bệnh phải điều trị (có giấy chứng tử kèm bệnh án);

+ Bị cáo Nguyễn Chí H7 có ông là Lê Văn Đ5 được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì;

+ Bị cáo Nguyễn Trọng K1 có ông nội tên Nguyễn Hồng C3 là liệt sỹ, là người có công với cách mạng.

- Về xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội: Các bị cáo Hồ Ngọc Vinh S, Mai Thanh T2, Dương Thành L1, Cao Văn Sỹ H8, Nguyễn Trọng K1, Đoàn Lâm G1, Nguyễn Thiên P1, Trần Duy Đ1, Vũ Mạnh H4 và Mai Thái S1 tại thời điểm phạm tội là người dưới 18 tuổi nên khi xem xét quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Chương XII Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét quyết định.

Hành vi của các bị cáo mang tính chất bộc phát, nhất thời phạm tội khi tuổi các bị cáo còn nhỏ, khả năng nhận thức của các bị cáo về pháp luật còn hạn chế, không thấy hết được tính nguy hiểm cho xã hội mà hành vi phạm tội của mình gây ra.

Căn cứ vào Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Các bị cáo Hồ Ngọc Vinh S, Mai Thanh T2, Dương Thành L1, Cao Văn Sỹ H8, Nguyễn Trọng K1, Đoàn Lâm G1, Nguyễn Thiên P1, Trần Duy Đ1, Vũ Mạnh H4 và Mai Thái S1 phạm tội thuộc trường hợp từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định.

Đối các bị cáo Hồ Ngọc Vinh S, Mai Thanh T2, Dương Thành L1, Cao Văn Sỹ H8, Nguyễn Trọng K1, Đoàn Lâm G1, Nguyễn Thiên P1, Trần Duy Đ1, Vũ Mạnh H4, Mai Thái S1, Nguyễn Chí H7, Hồ Yến N1: Xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, chấp hành tốt chính sách, pháp luật tại địa phương; có nơi cư trú ổn định, rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Các bị cáo trên có khả năng tự cải tạo và việc không bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên việc cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội là không cần thiết. Xét thấy các bị cáo có đủ các điều kiện được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng

dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về án treo nên cho các bị cáo hưởng án treo là phù hợp với quy định pháp luật, tạo điều kiện để các bị cáo tiếp tục việc học tập, tu dưỡng, sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, vai trò của từng bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, độ tuổi tại thời điểm phạm tội của từng bị cáo cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử xem xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo Nguyễn Lương Hoài T và Trần Tuấn H1; áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với các bị cáo Hồ Ngọc Vinh S, Mai Thanh T2, Dương Thành L1, Cao Văn Sỹ H8, Nguyễn Trọng K1, Đoàn Lâm G1, Nguyễn Thiên P1, Trần Duy Đ1, Vũ Mạnh H4, Mai Thái S1, Nguyễn Chí H7, Hồ Yến N1, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật; thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa, đồng thời đảm bảo sự nghiêm minh và giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) dao tự chế bằng kim loại dài 60 cm, bao gỗ màu vàng; 01 (một) dao tự chế bằng kim loại dài 1,5m, cán dao bằng kim loại hình tròn, dài 01m, lưỡi dao dài 50cm, rộng 03cm; 01 (một) dao tự chế bằng kim loại dài 1,2m, cán dao bằng kim loại hình tròn, dài 80cm, lưỡi dao dài 40 cm, rộng 05 cm; 01 (một) cây ba chĩa bằng kim loại dài 1,5m, cán bằng kim loại dạng hình tròn dài 01m, đầu hàn 03 thanh sắt tròn sắc nhọn dài 50 cm; 01 (một) dao tự chế bằng kim loại dài 01m; 01 (một) cây xiên gạo bằng sắt tròn, đầu nhọn, dài 01m; 02 dao phóng lợn bằng kim loại dài 02m, đầu có gắn dao bầu sắc nhọn; 01 (một) cây kiếm nhật bằng kim loại, cán được quấn dây dù đen, vỏ bằng gỗ màu đen dài 80 cm; 01 (một) chai bia thủy tinh bên trong có chứa chất lỏng là các hung khí các bị cáo sử dụng phạm tội.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước tài sản dùng vào việc phạm tội:

+ 01 (một) điện thoại di động Remi 7, màu xanh, Imei:862949053713058 của Nguyễn Lương Hoài T.

+ 01 điện thoại di động Iphone Xs Max, Imei 358747090092119 của Hồ Ngọc Vinh S.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S, Imei 355735077635482 của Trần Tuấn H1.

[4] Các vấn đề khác:

Đối với các đối tượng Bùi Tiến Đ4 (sinh ngày 14/9/2007), Nguyễn Anh V3 (sinh ngày 06/01/2005), Vũ Hoàng Triều V2 (sinh ngày 13/5/2006) được rủ rê đi đánh nhau. Tuy nhiên, các đối tượng trên không chuẩn bị hung khí, không rủ rê thêm ai khác và đã tự ý bỏ về không tham gia cùng các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không xử lý là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với các đối tượng Danh Hoài T8 (sinh ngày 26/11/2007), Đặng Hoàng H9 (sinh ngày 28/11/2007), Mai Thành P2 (sinh ngày 02/02/2008), Hoàng Văn H10 (sinh ngày 26/8/2008), Đinh Hoàng P3 (sinh ngày 31/12/2007), Nguyễn Hoàng Đ3 (sinh ngày 31/8/2008), Nguyễn Đình Khánh D (sinh ngày 17/10/2008), Tô Huy H13 (sinh ngày 16/6/2008), Nguyễn Hữu H14 (sinh ngày 07/6/2008), Nguyễn Văn S3 (sinh ngày 06/5/2008), khi thực hiện hành vi gây rối trật tự công cộng chưa đủ 16 tuổi. Do đó, hành vi của các đối tượng chưa đủ yếu tố cấu thành tội "Gây rối trật tự công cộng" được quy định tại Điều 318 Bộ luật hình sự. Công an thành phố B đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo mỗi người phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên: Cáo trạng truy tố các bị cáo về tội danh nêu trên và đề nghị mức hình phạt phù hợp nên được chấp nhận;

- Đối với phần trình bày của người bào chữa cho các bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận;

- Đối với phần trình bày của các bị cáo tại phiên tòa được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Lương Hoài T, Hồ Ngọc Vinh S, Trần Tuấn H1, Mai Thanh T2, Dương Thành L1, Nguyễn Chí H7, Nguyễn Trọng K1, Đoàn Lâm G1, Cao Văn Sỹ H8, Nguyễn Thiên P1, Hồ Yến N1, Trần Duy Đ1, Vũ Mạnh H4 và Mai Thái S1 phạm tội "Gây rối trật tự công cộng".

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm o khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Lương Hoài T 02 (hai) năm tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án được trừ đi thời gian tạm giam, tạm giữ từ ngày 02/11/2023 đến ngày 10/11/2023.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trần Tuấn H1 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày 02/11/2023.

3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về án treo:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí H7 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 08 (tám) tháng tính từ ngày tuyên án.

- Xử phạt bị cáo Hồ Yến N1 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 08 (tám) tháng tính từ ngày tuyên án.

4. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về án treo:

- Xử phạt bị cáo Hồ Ngọc Vinh S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án;

- Xử phạt bị cáo Mai Thanh T2 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 08 (tám) tháng tính từ ngày tuyên án;

- Xử phạt bị cáo Dương Thành L1 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 08 (tám) tháng tính từ ngày tuyên án;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng K1 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án;

- Xử phạt bị cáo Đoàn Lâm G1 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án;

- Xử phạt bị cáo Cao Văn Sỹ H8 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thiên P1 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án;

- Xử phạt bị cáo Trần Duy Đ1 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án;

- Xử phạt bị cáo Vũ Mạnh H4 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án;

- Xử phạt bị cáo Mai Thái S1 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án;

Giao các bị cáo cho Uỷ ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5. *Xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) dao tự chế bằng kim loại dài 60 cm, bao gỗ màu vàng; 01 (một) dao tự chế bằng kim loại dài 1,5m, cán dao bằng kim loại hình tròn, dài 01m, lưỡi dao dài 50cm, rộng 03cm; 01 (một) dao tự chế bằng kim loại dài 1,2m, cán dao bằng kim loại hình tròn, dài 80cm, lưỡi dao dài 40 cm, rộng 05 cm; 01 (một) cây ba chĩa bằng kim loại dài 1,5m, cán bằng kim loại dạng hình tròn dài 01m, đầu hàn 03 thanh sắt tròn sắc nhọn dài 50 cm; 01 (một) dao tự chế bằng kim loại dài 01m; 01 (một) cây xiên gạo bằng sắt tròn, đầu nhọn, dài 01m; 02 dao phóng lợn bằng kim loại dài 02m, đầu có gắn dao bầu sắc nhọn; 01 (một) cây kiếm nhật bằng kim loại, cán được quấn dây dù đen, vỏ bằng gỗ màu đen dài 80 cm; 01 (một) chai bia thủy tinh bên trong có chứa chất lỏng là các hung khí các bị cáo sử dụng phạm tội.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước tài sản dùng vào việc phạm tội:

+ 01 (một) điện thoại di động Remi 7, màu xanh, Imei 862949053713058 của Nguyễn Lương Hoài T.

+ 01 điện thoại di động Iphone Xs Max, Imei 358747090092119 của Hồ Ngọc Vinh S.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S, Imei 355735077635482 của Trần Tuấn H1.

Vật chứng này hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

6. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các Nguyễn Lương Hoài T, Hồ Ngọc Vinh S, Trần Tuấn H1, Mai Thanh T2, Dương Thành L1, Nguyễn Chí H7, Nguyễn Trọng K1, Đoàn Lâm G1, Cao Văn Sỹ H8, Nguyễn Thiên P1, Hồ Yến N1, Trần Duy Đ1, Vũ Mạnh H4 và Mai Thái S1 mỗi người phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

7. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Các bị cáo, người bào chữa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan Thi hành án hình sự TP.Biên Hòa
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Các bị cáo và đương sự khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Hòa